

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL,
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2018/HNGĐ-ST

Ngày 27/12/2018

V/v tranh chấp ly hôn
và chia tài sản chung khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL, TỈNH ĐẮK NÔNG.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đợi
2. Bà Phạm Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Thế Toàn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Mil tham gia phiên tòa: Bà Lê Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông xét xử công khai sơ thẩm vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 04/2018/TLST-HNGĐ ngày 11/01/2018 v/v ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2018/QĐXX-ST ngày 31/10/2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đặng Thị A, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Thái Đình B, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 12/12/2017, lời khai trong quá trình tố tụng của nguyên đơn (Bà Đặng Thị A) trình bày: Bà A và ông Thái Đình B kết hôn với nhau vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc.

Trong thời gian chung sống bà A và ông B có 04 con chung: Cháu Thái Như H, sinh năm 1991; Cháu Thái Như T, sinh năm 1993; Cháu Thái Thy T, sinh

năm 1994; Cháu Thái Thu T, sinh năm 1997 (Hiện cả 04 cháu đã lớn và đã sống tự lập).

Trong thời gian chung sống ông bà tạo lập được các tài sản chung gồm thửa đất số 157^a, tờ bản đồ số 04, diện tích 803m², được Ủy ban nhân dân huyện Đ, tỉnh Đ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 203711 và 01 căn nhà bằng gỗ diện tích 70m² trên đất. Ông, bà không vay mượn hay cho ai vay mượn tài sản gì.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: thời gian đầu mới kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc, sau đó phát sinh nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được; nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính tình không hợp nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng vẫn không hàn gắn được. Vào tháng 4/2009, ông B còn đánh bà A gây thương tích (nứt 01 xương cổ tay phải) và ông B đã bị xử lý hình sự về hành vi này và bà A, ông B đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 (thời điểm ông B bị kết án). Nay bà A cảm thấy tình cảm vợ chồng không còn, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông B. Về con chung do các con đã đủ tuổi trưởng thành (đã sống tự lập) nên bà A không yêu cầu giải quyết; Về tài sản chung: tại đơn khởi kiện bà có yêu cầu chia tài sản chung nhưng sau đó bà A đã rút yêu cầu về chia tài sản chung, không yêu cầu giải quyết.

- Trong quá trình tố tụng bị đơn ông Thái Đình B trình bày: Ông Thái Đình B thống nhất với toàn bộ lời khai của bà A về quan hệ hôn nhân, con chung, nợ chung. Về nguyên nhân mâu thuẫn: Do bà A có mối quan hệ với người đàn ông khác ở bên ngoài, ông B thừa nhận có đánh bà A và đã bị xử lý hình sự về hành vi này. Ông B không đồng ý ly hôn với bà A; Về con chung do các con đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị A. Về quan hệ hôn nhân: bà Đặng Thị A được ly hôn với ông Thái Đình B; Về nuôi con chung: không đặt ra để giải quyết; về tài sản chung, nợ chung: đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản chung; về án phí: bà A phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí 2.500.000 đồng về chia tài sản chung khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Đặng Thị A yêu cầu xin ly hôn với ông Thái Đình B, đây là tranh chấp về hôn nhân gia đình (Ly hôn và chia tài sản chung khi ly hôn) thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Thái Đình B có địa chỉ cư trú tại thôn V, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nên Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil thụ lý và giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án:

[3] 2.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị A và ông Thái Đình B kết hôn vào năm 1990, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đ. Hôn nhân là hoàn toàn tự nguyện. Về mâu thuẫn vợ chồng: Bà A và ông B chung sống hạnh phúc đến năm 2009, sau đó thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng. Hai người không còn thương yêu, quý trọng để lo cho cuộc sống gia đình mà việc ai người đó làm không quan tâm đến nhau; ngoài ra, vào năm 2009, ông B còn có hành vi cố ý gây thương tích cho bà A và đã bị xử lý về mặt hình sự về hành vi này. Bà A và ông B cũng đã sống ly thân với nhau từ năm 2009 cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa bà A và ông B là trầm trọng, các bên không còn tình cảm yêu thương, quý trọng, không chăm sóc, không giúp đỡ nhau, cuộc sống chung không còn ý nghĩa, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu của bà Đặng Thị A xin ly hôn với ông Thái Đình B là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] 2.2. Về nuôi con chung: Các con đã lớn và sống tự lập, không yêu cầu nên không đặt ra để giải quyết.

[5] 2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Trong đơn khởi kiện, bà Đặng Thị A ngoài việc xin ly hôn, còn yêu cầu chia tài sản chung. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án, bà Đặng Thị A đã có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung khi ly hôn, xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bà A là hoàn toàn tự nguyện và ông Thái Đình B không có yêu cầu về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu về chia tài sản chung khi ly hôn của bà A.

[6] **3. Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội bà Đặng Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, trả lại cho bà A số tiền tạm ứng án phí dân sự về chia tài sản chung khi ly hôn.

[9] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 218, khoản 2 Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, Khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị A về việc ly hôn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đặng Thị A được ly hôn với ông Thái Đình B (Chấm dứt quan hệ hôn nhân).

2. Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

3. Về chia tài sản chung và nợ chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của nguyên đơn (Bà Đặng Thị A).

4. Về án phí: Bà Đặng Thị A phải nộp 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.800.000 đồng, hoàn trả cho bà A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đồng (*Hai triệu năm trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000795 ngày 11/01/2018 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02);
- Chi Cục THADS huyện Đ;
- UBND xã Đ, huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng